

Bản án số: **60/2021/DS-ST**

Ngày: 25-10-2021

V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Phú Sang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đinh Hữu Cải;
2. Ông Nguyễn Thịnh Hùng;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Thân Thị Trang Nhung là Thư ký Toà án nhân dân huyện D, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Tây Ninh** tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thái Thanh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 25 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện D, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 41/2021/TLST- DS ngày 12 tháng 3 năm 2021 về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2021/QĐXX- ST ngày 06 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1970, nơi cư trú: Tổ 4, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh;

Đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị A: Bà Đỗ Thị E, sinh năm 1962, nơi cư trú: Tổ 4, ấp 4, xã Suối Dây, huyện D, tỉnh Tây Ninh, theo văn bản ủy quyền ngày 12/3/2021;

**- Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị F, sinh năm 1963, nơi cư trú: Tổ 4, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh;

Đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị F: Chị Nguyễn Thị Mỹ G, sinh năm 1984, nơi cư trú: Tổ 14, ấp H, xã K, huyện D, tỉnh Tây Ninh, theo văn bản ủy quyền ngày 07/4/2021

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Lê Thị L, sinh năm 1986, nơi cư trú: Tổ 4, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh;

Chị G có mặt; bà A, bà F, bà E, chị L vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Do là chỗ họ hàng thân thiết nên vào ngày 12/01/2009 bà A cho bà F vay 150.000.000 đồng và vào ngày 20/11/2018 tiếp tục cho bà F vay 70.000.000 đồng. Khi vay 70.000.000 đồng, bà F có ký xác nhận nợ vào giấy vay tiền ngày 20/11/2018; khi vay số tiền 150.000.000 đồng vào ngày 12/01/2009, do tin tưởng nên ban đầu bà A không có yêu cầu bà F làm giấy biên nhận; sau khi vay tiền xong, bà F có đưa cho bà A một giấy biên nhận có sẵn chữ ký và họ tên bà F; việc bà F ký tên ghi họ tên vào giấy biên nhận ngày 12/01/2009 cũng không được thực hiện trước mặt bà A; do có cho bà F vay tiền nên vào ngày 26/10/2018, bà A cùng bà F đến gặp ông Nguyễn Ngọc Tuấn là Trưởng ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh để ông Tuấn xác nhận việc bà F có nợ bà A số tiền 150.000.000 đồng vay vào ngày 12/01/2009. Do cho đến nay bà F vẫn chưa hoàn trả số tiền còn nợ nên bà A khởi kiện yêu cầu bà F hoàn trả số tiền nợ gốc 70.000.000 đồng, tiền lãi của số tiền 70.000.000 đồng từ ngày 20/03/2019 cho đến khi giải quyết xong vụ kiện với lãi suất 0,83%/tháng, đối với số tiền lãi của số tiền 70.000.000 đồng từ ngày vay tiền cho đến trước ngày 20/3/2019 thì bà A không có yêu cầu bà F hoàn trả.

Vào ngày 25/10/2021, bà A có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bà Nguyễn Thị F hoàn trả số tiền nợ vay 150.000.000 đồng vay vào ngày 12/01/2009.

Ngoài ra, bà A không có ý kiến hay yêu cầu nào khác và bà A cũng không có yêu cầu ai khác có nghĩa vụ cùng bà F hoàn trả cho tiền nêu trên.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:*

Bà Nguyễn Thị F không đồng ý hoàn trả cho bà A số tiền 150.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền 150.000.000 đồng như bà A yêu cầu do bà F không có vay của bà A số tiền 150.000.000 đồng; đối với số tiền 70.000.000 đồng, đây số tiền do

bà F vay của bà A nhiều lần, mỗi lần khoảng 10.000.000 đồng, 20.000.000 đồng nên đến ngày 20/11/2018 bà F có ký vào giấy biên nhận xác định còn nợ bà A 70.000.000 đồng và hẹn đến ngày 20/11/2020 sẽ trả số tiền trên. Bà F xác định chữ ký “F” trong giấy biên nhận nợ ngày 20/11/2018 là của bà F. Bà F chỉ đồng ý hoàn trả cho bà A số tiền 70.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền 70.000.000 đồng tính từ ngày 20/11/2020 cho đến khi giải quyết xong vụ kiện với lãi suất 0,83%/tháng. Ngoài ra bà F không có ý kiến nào khác.

*Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – chị Lê Thị L trình bày:*

Chị là con ruột của bà Nguyễn Thị F và là cháu của bà Nguyễn Thị A. Chị xác định chữ viết trong giấy biên nhận nợ ngày 12/01/2009 là do chị trực tiếp viết, đồng thời khẳng định chữ ký, họ tên “F, Nguyễn Thị F” trong giấy biên nhận nợ ngày 12/01/2009 là do chị viết theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị A. Việc viết giấy do chị thực hiện tại nhà của bà A, khi viết giấy chỉ có chị và bà A chứ không có ai khác chứng kiến. Lý do chị viết giấy vay tiền ngày 12/01/2009 là do bà A yêu cầu chị viết. Chị nói rõ do sống cùng gia đình với bà F nên bà F có nói cho chị biết việc bà F cần vay tiền của bà A để lo việc gia đình nhưng bà A yêu cầu khi vay tiền cần phải làm giấy vay nên chị đã viết nội G giấy vay trên để đem cho bà A xem nội G. Sau khi viết và đưa cho bà A xem nội G giấy vay tiền thì bà A yêu cầu chị đưa giấy vay tiền cho chị A để chị A viết lại nội G giấy vay tiền mới khi cho bà F vay tiền. Do làm mẫu giấy vay tiền cho bà A xem nên chị viết nội G và ký tên, ghi họ tên “F, Nguyễn Thị F” trong giấy vay tiền. Chị xác định tại thời điểm chị viết giấy thì bà F không có vay của chị A số tiền 150.000.000 đồng.

Tại phiên tòa:

Do nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt nên không có ý kiến.

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị F vẫn giữ nguyên quan điểm đồng ý hoàn trả cho bà A số tiền 70.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền 70.000.000 đồng tính từ ngày 20/11/2020 với lãi suất 0,83%/tháng và thống nhất đối với việc bà A rút yêu cầu bà F hoàn trả số tiền 150.000.000 đồng.

\* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng và tiến

hành tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật khi giải quyết, xét xử vụ án.

+ Về tố tụng: Do bà Nguyễn Thị F là bị đơn trong vụ án vắng mặt nhưng có người đại diện hợp pháp có mặt tại phiên tòa; bà A, bà E là nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; chị Lê Thị L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị F, bà Đỗ Thị E và chị Lê Thị L.

+ Về việc giải quyết nội G vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 147, 217, 218, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Nguyễn Thị F và buộc bà Nguyễn Thị F có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị A số tiền 70.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền 70.000.000 đồng với lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày 20/3/2019 đến ngày 25/10/2021 là 18.107.500 đồng, tổng cộng, tiền gốc và tiền lãi là 88.107.500 đồng;

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A liên quan đến yêu cầu bà Nguyễn Thị F hoàn trả số tiền 150.000.000 đồng theo giấy biên nhận ngày 12/01/2009.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị F phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Về tố tụng: Do bà Nguyễn Thị F là bị đơn trong vụ án vắng mặt nhưng có người đại diện hợp pháp có mặt tại phiên tòa; bà A, bà E là nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; chị Lê Thị L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị F, bà Đỗ Thị E và chị Lê Thị L.

[2] Về nội G vụ án:

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A yêu cầu bà Nguyễn Thị F hoàn trả số tiền 70.000.000 đồng vay ngày 20/11/2018 thì thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị A cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là giấy vay tiền lập ngày 20/11/2018 với nội G thể hiện bà Nguyễn Thị F có vay của bà Nguyễn Thị A số tiền 70.000.000 đồng. Bà F thừa nhận có vay, còn nợ bà A số tiền 70.000.000 đồng và đồng ý hoàn trả cho bà A số tiền 70.000.000 đồng. Việc thừa nhận của bà F là tự nguyện, phù hợp với yêu cầu khởi kiện và chứng cứ khởi kiện do bà A cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử ghi nhận; bà Nguyễn Thị F có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị A số tiền 70.000.000 đồng.

[2.1.1] Đối với yêu cầu bà Nguyễn Thị F hoàn trả số tiền lãi của số tiền 70.000.000 đồng với lãi suất vay 0,83%/tháng và thời gian tính tiền lãi kể từ ngày 20/3/2019 thì thấy rằng:

Trong giấy biên nhận ngày 20/11/2018 thể hiện lãi suất khi thực hiện giao dịch vay là “lãi suất ngân hàng”, không thể hiện lãi suất vay cụ thể là bao nhiêu, trong quá trình giải quyết vụ án, bà A, bà F thống nhất lãi suất cho vay là 0,83%/tháng; sự thống nhất của các đương sự cũng phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên hội đồng xét xử ghi nhận; trong quá trình giải quyết vụ án, bà A yêu cầu tính tiền lãi kể từ ngày 20/3/2019, bà F chỉ đồng ý tính tiền lãi kể từ ngày 20/11/2020 với lý do đã thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi của số tiền 70.000.000 đồng kể từ ngày 20/11/2018 đến ngày 20/11/2020. Tuy nhiên ngoài trình bày của bà F thì không có chứng cứ tài liệu nào chứng minh cho việc bà F đã thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi tính từ ngày 20/11/2018 đến ngày 20/11/2020, do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà A về việc buộc bà F có nghĩa vụ hoàn trả số tiền lãi của số tiền 70.000.000 đồng tính từ ngày 20/3/2019 cho đến ngày xét xử (25/10/2021) với số tiền là  $70.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 31 \text{ tháng} 05 \text{ ngày} = 18.107.833 \text{ đồng}$ .

Do đó, đối với yêu cầu này, bà Nguyễn Thị F có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị A số tiền nợ gốc và tiền lãi là:  $70.000.000 \text{ đồng} + 18.107.833 \text{ đồng} = 88.107.833 \text{ đồng}$ , làm tròn số là 88.107.500 đồng.

[2.2] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A yêu cầu bà Nguyễn Thị F hoàn trả số tiền 150.000.000.000 đồng vay ngày 12/01/2009 và tiền lãi của số

tiền 150.000.000 đồng từ ngày 12/3/2021 đến ngày 25/10/2021 với lãi suất 0,83%/tháng thì Hội đồng xét xử thấy rằng:

Vào ngày 25/10/2021, trước khi phiên tòa diễn ra, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã nộp đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bà Nguyễn Thị F hoàn trả cho bà Nguyễn Thị A số tiền 150.000.000 đồng và tiền lãi. Việc rút yêu cầu khởi kiện này là do nguyên đơn hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định tại Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự nên hội đồng xét xử ghi nhận. Đối với yêu cầu này nếu các đương sự có tranh chấp sẽ có quyền khởi kiện tại Tòa án và được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A và buộc bà Nguyễn Thị F có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 88.107.500 đồng nên căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà Nguyễn Thị F phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; các Điều 146, 147, 217, 218, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Nguyễn Thị F và buộc bà Nguyễn Thị F có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị A số tiền 88.107.500 (tám mươi tám triệu một trăm lẻ bảy nghìn năm trăm) đồng, trong đó có 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng tiền gốc và 18.107.500 (mười tám triệu một trăm lẻ bảy nghìn năm trăm) đồng tiền lãi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chưa nộp trả số tiền như đã nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

1.1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A yêu cầu bà Nguyễn Thị F hoàn trả số tiền 150.000.000 đồng theo giấy biên nhận lập ngày 12/01/2009. Nếu các đương sự có tranh chấp liên quan đến số tiền 150.000.000 đồng được quyền khởi kiện tại Tòa án và sẽ được giải quyết bằng một vụ án tranh chấp khác.

2/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị F phải chịu 4.405.375 đồng, làm tròn số là 4.405.000 (bốn triệu bốn trăm lẻ năm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị A số tiền 5.849.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị A đã nộp theo biên lai thu số 0001775 ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Tây Ninh.

3/ “Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

4/ Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án hợp lệ ./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THA DS huyện D;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (s).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Phú Sang**